

Số: 63/BB-TrMNHM

Thanh Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2025

**BIÊN BẢN**

**Họp xét các chế độ chính sách cho học sinh học kỳ II năm học 2024-2025**

Thực hiện công văn số 132/PGDĐT-KT, ngày 06/02/2025 của phòng Giáo dục về việc triển khai các chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh học kỳ II năm học 2024 – 2025.

Trường mầm non Hòa Mi tổ chức Họp xét duyệt chế độ chính sách cho học sinh năm học 2024 – 2025 cụ thể như sau:

**I. Thời gian:** Vào hồi 8h5' ngày 19 tháng 02 năm 2024

**II. Địa điểm:** Tại Văn phòng Trường mầm non Hòa Mi

**III. Thành phần:** Theo Quyết định số /QĐ-MNHM ngày /02/2025 của trường mầm non Hòa Mi

**IV. Nội dung.**

1. Bà Nguyễn Thị Hằng – Phó hiệu trưởng phụ trách nhà trường thông qua các văn bản, chế độ chính sách của học sinh.

2. Hội đồng căn cứ vào các văn bản hướng dẫn trên để tiến hành thẩm định hồ sơ xét duyệt học sinh được thụ hưởng các chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

Sau khi đối chiếu hồ sơ của học sinh thuộc diện được hưởng các chế độ chính sách từ các lớp gửi lên với các quy định hiện hành theo từng đối tượng thụ hưởng. Hội đồng xét duyệt các chế độ chính sách cho học sinh học kỳ II năm học 2024-2025 thống nhất số học sinh được hưởng các chế độ chính sách học kỳ II năm học 2024 – 2025 như sau:

**a. Miễn giảm học phí:**

- Tổng số bộ hồ sơ đề nghị: 28 bộ

Trong đó: + Miễn giảm: 100%: 28 bộ

+ Miễn giảm 70%: 0 bộ

+ Miễn giảm 50%: 0 bộ

- Tổng số bộ hồ sơ đủ điều kiện thụ hưởng theo quy định: 28 bộ

**b. Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ mẫu giáo 5 tuổi**

- Tổng số bộ hồ sơ đề nghị: 03 bộ

- Tổng số bộ hồ sơ đủ điều kiện thụ hưởng theo quy định: 03 bộ

**c. Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ 3-4 tuổi**

- Tổng số bộ hồ sơ đề nghị: 02 bộ

- Tổng số bộ hồ sơ đủ điều kiện thụ hưởng theo quy định: 02 bộ

**d. Hỗ trợ chi phí học tập**

- Tổng số bộ hồ sơ đề nghị: 05 bộ

- Tổng số bộ hồ sơ đủ điều kiện thụ hưởng theo quy định: 05 bộ

**3. Danh sách học sinh được hưởng các chế độ chính sách học kỳ II năm học 2024 - 2025 (có danh sách chi tiết kèm theo):**

Cuộc họp kết thúc vào 9 giờ 20 phút cùng ngày. Biên bản đã được thông qua, 100% các thành viên dự họp nhất trí.

Biên bản được lập thành 2 bản, 01 bản lưu tại trường và 01 bản gửi kèm theo hồ sơ về phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên phủ thẩm định./.

**THƯ KÝ**



Lâu Thị Dung

**PHỤ TRÁCH NHÀ TRƯỜNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Hằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TP ĐIỆN BIÊN PHÚ  
TRƯỜNG MẦM NON HÒA MI

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN AN TRÚA CHO TRẺ EM 3-4 TUỔI

Từ tháng 01 đến tháng 05/2025 . Năm học 2024 - 2025

Theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP, ngày 8/9/2020 của Chính Phủ.

| ST<br>T | Tên học sinh             | Ngày<br>tháng năm<br>sinh | Lớp              | Số tiền<br>được hỗ<br>trợ/<br>tháng (<br>10% mức<br>lương tối | Đối tượng    |             |                                   |           |               | Số<br>tháng | Kinh phí<br>hỗ trợ | Số TK         | Ngân hàng                                     | Chủ tài khoản | Quan<br>hệ chủ<br>tài<br>khoản<br>với học<br>sinh |
|---------|--------------------------|---------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------|--------------|-------------|-----------------------------------|-----------|---------------|-------------|--------------------|---------------|-----------------------------------------------|---------------|---------------------------------------------------|
|         |                          |                           |                  |                                                               | Cận<br>nghèo | Hộ<br>nghèo | Xã,<br>thôn<br>đặc<br>biệt<br>khó | Mồ<br>côi | Khuyết<br>tật |             |                    |               |                                               |               |                                                   |
|         | A                        | B                         | 1                | 2                                                             | 3            |             | 4                                 | 5         | 6             | 7           | 8=2*7              | 9             |                                               |               |                                                   |
| 1       | Sùng Thanh<br>Tuyệt      | 01/11/2021                | MG bé Tà<br>Lèng | 160.000                                                       |              | 1           |                                   |           |               | 5           | 800.000            | 8806205169611 | Agribank chi<br>nhánh huyện<br>Bắc Hà Lào Cai | Sùng A Pao    | Bố                                                |
| 2       | Chang Thị Diễm<br>Phương | 18/01/2021                | MG bé Tà<br>Lèng | 160.000                                                       |              | 1           |                                   |           |               | 5           | 800.000            | 108882335760  | Vietinbank ĐB                                 | Chang A Su    | Bố                                                |
| Cộng    |                          |                           |                  |                                                               |              |             |                                   |           |               |             | 1.600.000          |               |                                               |               |                                                   |

Tổng tiền bằng chữ: Một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./

Kế toán



Vũ Thị Thu Trang

Thanh Minh, ngày 14 tháng 2 năm 2025

Phó hiệu trưởng



Nguyễn Thị Hằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TP ĐIỆN BIÊN PHÚ  
TRƯỜNG MẦM NON HÒA MI

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN ẮN TRÚA CHO TRẺ EM 5 TUỔI

Từ tháng 01 đến tháng 05/2025 . Năm học 2024 - 2025

Theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP, ngày 8/9/2020 của Chính Phủ.

| ST<br>T | Tên học sinh    | Ngày<br>tháng năm<br>sinh | Lớp                 | Số tiền<br>được hỗ<br>trợ/ tháng ( 10% mức lương tối thiểu) | Đối tượng    |             |                                           |           | Số tháng      | Kinh phí<br>hỗ trợ | Số TK     | Ngân hàng                                     | Chủ tài khoản  | Quan<br>hệ chủ<br>tài<br>khoản<br>với học<br>sinh |
|---------|-----------------|---------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------|--------------|-------------|-------------------------------------------|-----------|---------------|--------------------|-----------|-----------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------|
|         |                 |                           |                     |                                                             | Cận<br>nghèo | Hộ<br>nghèo | Xã,<br>thôn<br>đặc<br>biệt<br>khó<br>khăn | Mồ<br>côi | Khuyết<br>tật |                    |           |                                               |                |                                                   |
|         | A               | B                         | 1                   | 2                                                           | 3            |             | 4                                         | 5         | 6             | 7                  | 8=2*7     |                                               |                |                                                   |
| 1       | Sùng Thị Thơ    | 12/9/2019                 | MG ghép<br>Tà Lèng  | 160.000                                                     |              | 1           |                                           |           |               | 5                  | 800.000   | Agribank chi<br>nhánh huyện<br>Bắc Hà Lào Cai | Sùng A Pao     | Bố                                                |
| 2       | Lường Tuấn kiệt | 21/11/2019                | MG ghép<br>Tà Lèng  | 160.000                                                     |              |             | 1                                         |           |               | 5                  | 800.000   | Vietinbank ĐB                                 | Lò Thị ơn      | Mẹ                                                |
| 3       | Lò Văn Diệp     | 13/8/2019                 | MG ghép<br>Nhà Nghè | 160.000                                                     |              |             |                                           |           |               | 5                  | 800.000   | Vietinbank ĐB                                 | Quảng Thị Bình | Mẹ                                                |
| Cộng    |                 |                           |                     |                                                             |              |             |                                           |           |               |                    | 2.400.000 |                                               |                |                                                   |

Tổng tiền bằng chữ: Hai triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn./

Kế toán



Vũ Thị Thu Trang

Thanh Minh, ngày 19 tháng 2 năm 2025

Phó hiệu trưởng



Nguyễn Thị Hằng

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2025. Năm học 2024 - 2025

Theo Nghị định 81/2021/NP-CP của Chính phủ, ngày 27/8/2021

| STT | Họ và tên             | LỚP             | Mồ côi | Khuyết tật | Hộ nghèo | Thôn bản ĐBKK, xã KV 3 | Số tháng được hưởng | Định mức (150.000đ) | Thành tiền | Số tài khoản  | Ngân hàng                               | Chủ TK         | Quan hệ chủ tài khoản với HS | Ghi chú                       |
|-----|-----------------------|-----------------|--------|------------|----------|------------------------|---------------------|---------------------|------------|---------------|-----------------------------------------|----------------|------------------------------|-------------------------------|
| 1   | Lường Tuấn kiệt       | MG ghép Tà Lèng |        |            |          | 1                      | 5                   | 150.000             | 750.000    | 100880717613  | Vietinbank DB                           | Lò Thị on      | Mẹ                           | Bản Xa Cuông, xã Pa Thom      |
| 2   | Lò Văn Diệp           | MG ghép Nà Nghè |        |            |          | 1                      | 5                   | 150.000             | 750.000    | 107878694650  | Vietinbank DB                           | Quảng Thị Bình | Mẹ                           | Bản Huổi Chan 1, xã Mường Pồn |
| 3   | Sùng Thanh Tuyệt      | MG bé Tà Lèng   |        |            | 1        |                        | 5                   | 150.000             | 750.000    | 8806205169611 | Agribank chi nhánh huyện Bắc Hà Lào Cai | Sùng A Pao     | Bố                           |                               |
| 4   | Chang Thị Diễm Phương | MG bé Tà Lèng   |        |            | 1        |                        | 5                   | 150.000             | 750.000    | 108882335760  | Vietinbank DB                           | Chang A Su     | Bố                           |                               |
| 5   | Sùng Thị Thơ          | MG ghép Tà Lèng |        |            | 1        |                        | 5                   | 150.000             | 750.000    | 8806205169611 | Agribank chi nhánh huyện Bắc Hà Lào Cai | Sùng A Pao     | Bố                           |                               |
|     | Cộng                  |                 |        |            |          |                        |                     |                     | 3.750.000  |               |                                         |                |                              |                               |

Tổng tiền bằng chữ: Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./

Kế toán



Vũ Thị Thu Trang

Thanh Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Phó hiệu trưởng



Nguyễn Thị Hằng

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ  
Từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2025. Năm học 2024-2025

| STT | Họ và tên           | Ngày sinh  | Lớp         | Đối tượng       | Đối tượng miễn giảm |            |             | Đối tượng giảm 70% |            |             | Đối tượng giảm 50% |            |             | Mức thu học phí UBND tỉnh quyết định |            |             | Số tháng miễn | Thành tiền |
|-----|---------------------|------------|-------------|-----------------|---------------------|------------|-------------|--------------------|------------|-------------|--------------------|------------|-------------|--------------------------------------|------------|-------------|---------------|------------|
|     |                     |            |             |                 | Khu vực I           | Khu vực II | Khu vực III | Khu vực I          | Khu vực II | Khu vực III | Khu vực I          | Khu vực II | Khu vực III | Khu vực I                            | Khu vực II | Khu vực III |               |            |
| 1   | Lý Gia Hân          | 26/11/2019 | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 2   | Lò Anh Khởi         | 08/4/2019  | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 3   | Lò Minh Hiếu        | 24/7/2019  | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 4   | Ngô Thị Hồng Diệp   | 27/9/2019  | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 5   | Lò Minh Đức         | 03/12/2019 | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 6   | La Thái Bằng        | 21/01/2019 | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 7   | Mai Linh Đan        | 22/4/2019  | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 8   | Lò Yến Nhi          | 18/7/2019  | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 9   | Lò Thị Anh Đào      | 08/12/2019 | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 10  | Mai Yến Nhi         | 09/01/2019 | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 11  | Nguyễn Minh Châu    | 18/4/2019  | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 12  | Quảng Văn Công      | 31/8/2019  | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 13  | Giảng Thị Hồng Liên | 20/8/2019  | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 14  | Lường Tuấn Kiệt     | 21/11/2019 | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi |                     |            | 1           |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.125      |
| 15  | Mai Như Quỳnh       | 03/12/2019 | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 16  | Lò Tùng Bách        | 09/11/2019 | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 17  | Sùng Thị Thơ        | 12/9/2019  | MGG Tà Lèng | Học sinh 5 tuổi |                     |            | 1           |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.125      |
| 18  | Dương Thảo Nhi      | 29/10/2019 | MGG Kê Nénh | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |
| 19  | Hoàng Anh Tuấn      | 12/12/2019 | MGG Kê Nénh | Học sinh 5 tuổi | 1                   |            |             |                    |            |             |                    |            |             | 0.040                                | 0.030      | 0.025       | 5             | 0.200      |

Đơn vị tính: triệu đồng

|             |                   |            |               |                 |           |  |  |  |  |          |  |  |  |  |  |  |       |       |       |   |              |
|-------------|-------------------|------------|---------------|-----------------|-----------|--|--|--|--|----------|--|--|--|--|--|--|-------|-------|-------|---|--------------|
| 20          | Ngô Văn Đạt       | 07/10/2019 | MGG Nhà NGHè  | Học sinh 5 tuổi | 1         |  |  |  |  |          |  |  |  |  |  |  | 0.040 | 0.030 | 0.025 | 5 | 0.200        |
| 21          | Lò Đức Quang      | 23/10/2019 | MGG Nhà NGHè  | Học sinh 5 tuổi | 1         |  |  |  |  |          |  |  |  |  |  |  | 0.040 | 0.030 | 0.025 | 5 | 0.200        |
| 22          | Quảng Bảo Quân    | 15/10/2019 | MGG Nhà NGHè  | Học sinh 5 tuổi | 1         |  |  |  |  |          |  |  |  |  |  |  | 0.040 | 0.030 | 0.025 | 5 | 0.200        |
| 23          | Lương Quỳnh Giang | 30/10/2019 | MGG Nhà NGHè  | Học sinh 5 tuổi | 1         |  |  |  |  |          |  |  |  |  |  |  | 0.040 | 0.030 | 0.025 | 5 | 0.200        |
| 24          | Hoàng Thanh Hải   | 09/10/2019 | MGG Nhà NGHè  | Học sinh 5 tuổi | 1         |  |  |  |  |          |  |  |  |  |  |  | 0.040 | 0.030 | 0.025 | 5 | 0.200        |
| 25          | Quảng Văn Chiến   | 27/6/2019  | MGG Nhà NGHè  | Học sinh 5 tuổi | 1         |  |  |  |  |          |  |  |  |  |  |  | 0.040 | 0.030 | 0.025 | 5 | 0.200        |
| 26          | Lò Văn Diệp       | 13/8/2019  | MGG Nhà NGHè  | Học sinh 5 tuổi |           |  |  |  |  | 1        |  |  |  |  |  |  | 0.040 | 0.030 | 0.025 | 5 | 0.125        |
| 27          | Chang Diễm Phương | 18/01/2021 | MG bé Tà Lèng | Nghèo           |           |  |  |  |  | 1        |  |  |  |  |  |  | 0.040 | 0.030 | 0.025 | 5 | 0.125        |
| 28          | Sùng Thanh Tuyết  | 01/11/2021 | MG bé Tà Lèng | Nghèo           |           |  |  |  |  | 1        |  |  |  |  |  |  | 0.040 | 0.030 | 0.025 | 5 | 0.125        |
| <b>Cộng</b> |                   |            |               |                 | <b>23</b> |  |  |  |  | <b>5</b> |  |  |  |  |  |  |       |       |       |   | <b>5.225</b> |

Thanh Minh ngày 02 tháng 02 năm 2025

Kế toán

Phó hiệu trưởng



*(Handwritten signature)*

Vũ Thị Thu Trang

Nguyễn Thị Hằng